

Bản án số: 367/2024/DS-ST
Ngày: 18-6-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Nhu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Thanh Tùng
2. Ông Đặng Khắc Di

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 635/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 317/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; Trụ sở: Lầu 8, 266 - 268 đường N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Nguyễn Đức Thạch D; chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ma Khánh C, năm sinh 1984; Địa chỉ liên hệ: Số 278 đường L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền số 499/2023/GUQ-CNTB ngày 19 tháng 9 năm 2023. Xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Ngọc Phương D1, năm sinh 1998; Địa chỉ cư trú: Số 154/48/2H đường P, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/9/2023 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và trong quá trình giải quyết vụ án, có ông Ma Khánh C là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 30/6/2022, bà Lê Ngọc Phương D1 (viết tắt bà D1) ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (viết tắt Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của bà D1, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 10.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà D1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 40.151.000 đồng và trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay, bà D1 đã trả cho Ngân hàng số tiền 32.460.000 đồng rồi ngưng, Ngân hàng đã đôn đốc, nhắc nhở nhưng bà D1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà D1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ, chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và khởi kiện bà D1. Tính đến ngày 18/6/2024 số tiền bà D1 phải trả là 17.068.492 đồng, bao gồm: tiền nợ vốn 11.912.130 đồng, tiền lãi quá hạn 5.156.362 đồng và nợ lãi phát sinh kể từ ngày Tòa án xét xử cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng do hai bên ký kết.

Bị đơn bà Lê Ngọc Phương D1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà D1.

Tại phiên tòa,

Ông C có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà D1 vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử là thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 30/6/2022 thì bà D1 được Ngân hàng phê duyệt cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 10.000.000 đồng. Tính đến ngày 18/6/2024, bà D1 còn thiếu số tiền 17.068.492 đồng, bao gồm: tiền nợ vốn 11.912.130 đồng, tiền lãi quá hạn 5.156.362 đồng. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và xét yêu cầu của Ngân hàng là có cơ sở, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng yêu cầu bà D1 trả tiền đã vay nên quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét bà D1 hiện cư trú tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Ngân hàng khởi kiện bà D1 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Xét bà D1 đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng nhưng bà D1 vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Như vậy, bà D1 đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bà D1 phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật này. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt bà D1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng) ngày 30/6/2022 giữa Ngân hàng và bà D1. Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng sử dụng thẻ mà các bên giao kết với nhau là đúng quy định của pháp luật về trình tự, cơ chế tín dụng hiện hành, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên theo quy định tại các Điều 6, Điều 8, Điều 90, Điều 91, Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 117, Điều 386 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Xét Ngân hàng yêu cầu bà D1 trả tiền nợ vốn còn thiếu: Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 30/6/2022 thì giữa bà D1 và Ngân hàng đã giao kết hợp đồng vay tài sản dưới hình thức sử dụng dịch vụ trả tự động trừ thẻ tín dụng, theo đó bà D1 được Ngân hàng phê duyệt hạn mức tín dụng 10.000.000 đồng và bà D1 đã trả được 32.460.000 đồng. Tính đến ngày 18/6/2024, bà D1 còn nợ Ngân hàng tiền nợ vốn 11.912.130 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Xét Ngân hàng yêu cầu bà D1 trả tiền lãi: Hội đồng xét xử căn cứ vào điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thì tiền lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo mức lãi suất mà Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Cụ thể tại thời

điểm bà D1 ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thì mức lãi suất là 4,15%/tháng theo các quyết định số 375/2022/QĐ-TTT ngày 28/2/2022, số 2661/2022/QĐ-TTT ngày 28/10/2022 và số 3248/2022/QĐ-TTT ngày 23/12/2022 của Ngân hàng về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ S1 phát hành tại Việt Nam chuyển nợ quá hạn nên bà D1 phải chịu tiền lãi quá hạn kể từ khi vi phạm. Theo bảng tóm tắt sao kê tính đến ngày 18/6/2024 thì tiền lãi mà bà D1 phải trả 5.156.362 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Xét bà D1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu bà D1 trả tiền nợ vốn và tiền nợ lãi một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên được chấp nhận.

[2.5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[2.6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà D1 phải chịu án phí sơ thẩm trên yêu cầu Ngân hàng được chấp nhận. Ngân hàng được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 117, Điều 386, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 6, Điều 8, Điều 91, Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Luật phí và Lệ phí;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc bà Lê Ngọc Phương D1 trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền 17.068.492 (Mười bảy triệu không trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi hai) đồng, bao gồm: tiền nợ vốn 11.912.130 (Mười một triệu chín trăm mười hai nghìn một trăm ba mươi) đồng và tiền lãi 5.156.362 (Năm triệu một trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi hai) đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Lê Ngọc Phương D1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc chưa trả, theo

mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả xong khoản nợ gốc này.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Ngọc Phương D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 853.425 (Tám trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm) đồng.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được hoàn lại số tiền 308.923 (Ba trăm lẻ tám nghìn chín trăm hai mươi ba) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0024387 ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần S và bà Lê Ngọc Phương D1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Tuấn N